

Bản tin Phân tích kỹ thuật

19/08/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G8000 sẽ đáo hạn trong phiên 20/08. Tại phiên 19/08, hợp đồng đóng cửa trên đường MA20 cho thấy đà tăng đang được cải thiện và mở ra khả năng tiếp cận khu vực giá cao gần nhất là vùng 1.898 điểm. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế mua và dừng lỗ nếu xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 1.873 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 1.879 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.898 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.873 điểm

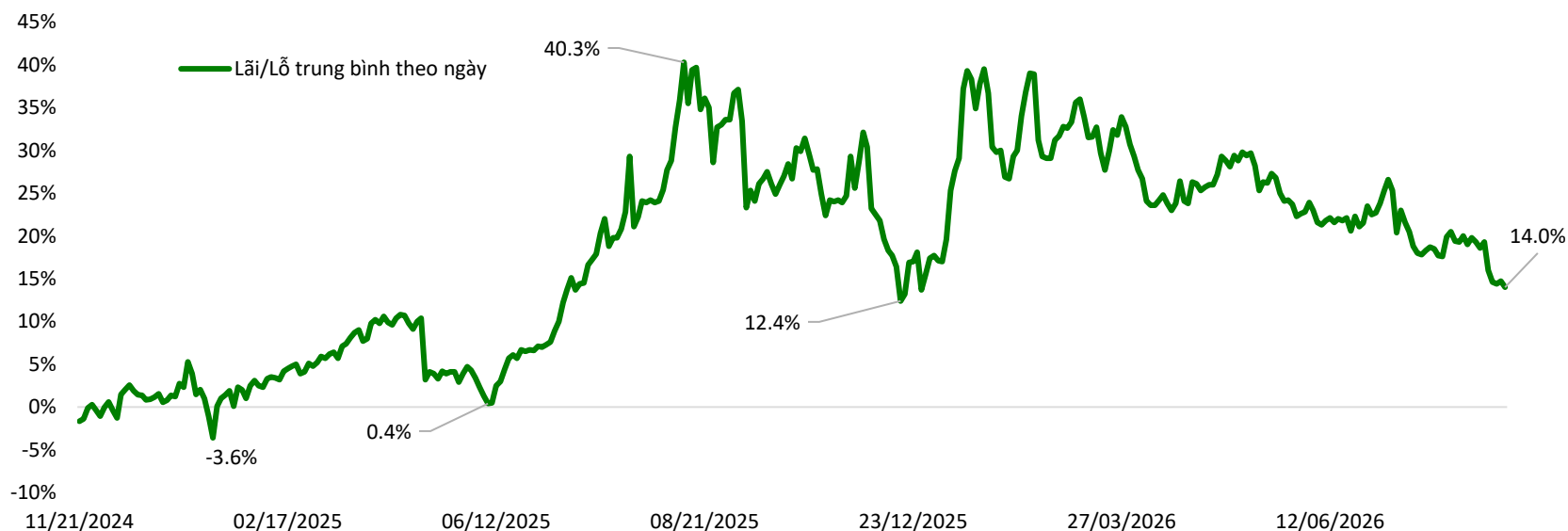
Quan điểm kỹ thuật



- VN-Index vận động trong sắc đỏ với độ rộng thị trường tiêu cực, ghi nhận 220 mã giảm so với 97 mã tăng. Thanh khoản thấp cho thấy áp lực bán không gia tăng mạnh nhưng vẫn chiếm ưu thế. Về ngành, lực cung gia tăng tại nhóm Bất động sản và Công nghiệp, trong khi được tiết chế đáng kể ở phần lớn nhóm ngành còn lại. Ở chiều ngược lại, Tiêu dùng là điểm sáng nhờ lực cầu cải thiện trên nhiều cổ phiếu.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index đang vận động dưới vùng kháng cự 1.740 điểm, do đó tín hiệu điều chỉnh ngắn hạn vẫn hiện hữu. Nếu chỉ số tiếp tục bị cản trở tại vùng này và áp lực bán có chiều hướng gia tăng, rủi ro điều chỉnh về các mốc 1.700 điểm và 1.650 điểm sẽ mở rộng.
- Đánh giá khả năng đảo chiều, lực cung trong ba phiên gần đây duy trì ở mức thấp nhưng lực cầu vẫn mang tính thăm dò. Do đó, so với phiên 18/08, xác suất VN-Index đảo chiều xu hướng ngắn hạn từ điều chỉnh sang tăng tuy đang nhỉnh hơn kịch bản giảm sâu, nhưng chưa gia tăng đáng kể. Tín hiệu đảo chiều chỉ rõ hơn khi chỉ số vượt lại vùng 1.740 điểm với lực mua lan tỏa hơn.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
GMD	31/07/2026		Đang mở	78,600	75,000	4.8%	72,000	85,000	75,000	
NVL	05/08/2026		Đang mở	13,000	13,450	-3.3%	12,600	15,300		
MBB	13/08/2026		Đang mở	19,950	20,300	-1.7%	20,000	22,000	19,800	



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCB	57,400	-1.03%	-3.85%	479,616	-1.114	4,984	1.9	11.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	31,000	-1.74%	-3.73%	240,775	-0.943	5,172	1.2	6.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BSR	26,700	-1.84%	0.75%	133,695	-0.552	3,933	1.8	6.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
BID	35,700	-0.83%	-2.83%	277,684	-0.520	4,250	1.4	8.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	63,100	1.61%	2.10%	131,876	0.477	5,246	4.1	12.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LPB	50,700	1.40%	-5.76%	151,455	0.476	3,780	3.5	13.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GEE	64,800	-4.42%	-13.94%	41,504	-0.412	5,561	5.2	11.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	21,200	0.95%	-4.07%	178,991	0.383	2,750	1.3	7.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDB	26,700	-0.93%	-1.84%	133,641	-0.278	3,897	1.6	6.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CRV	25,400	-6.96%	3.67%	17,460	-0.273	122	2.3	208.0	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
BCM	41,400	-2.82%	-5.91%	42,849	-0.271	2,066	2.0	20.0	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GVR	31,700	-0.94%	-1.71%	126,800	-0.267	1,783	2.1	17.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCB	31,000	0.49%	-1.59%	219,673	0.240	3,829	1.2	8.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
TCX	39,450	-0.88%	-2.59%	109,452	-0.216	2,237	2.4	17.6	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	136,600	0.52%	0.29%	178,592	0.207	5,430	9.6	25.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NVB	11,900	4.39%	5.31%	34,803	1.052	144	2.4	82.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	77,400	-2.03%	-4.33%	69,644	-0.972	17,023	3.3	4.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
THD	141,000	-2.35%	-4.54%	54,285	-0.881	396	10.7	356.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KSV	115,500	-2.78%	-3.91%	34,650	-0.663	11,736	5.2	9.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HUT	12,900	-2.27%	-5.15%	13,781	-0.216	476	1.3	27.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PGS	66,800	9.15%	11.33%	3,340	0.211	2,718	3.3	24.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NTP	50,500	-2.70%	3.48%	10,365	-0.193	5,810	2.4	8.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PTI	20,900	-9.91%	13.59%	2,520	-0.172	2,212	0.9	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	32,400	-1.52%	-5.54%	13,525	-0.142	5,201	2.0	6.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	16,900	-1.17%	-4.94%	16,916	-0.136	1,828	1.4	9.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	85,200	-1.39%	-1.84%	260,188	-0.245	4,019	6.9	21.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MVN	64,000	-2.44%	6.67%	76,049	-0.126	2,296	4.9	27.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VNZ	560,000	-8.20%	-5.08%	17,092	-0.095	15,830	18.6	36.3	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACV	40,800	-0.73%	-1.69%	146,761	-0.073	3,117	2.0	13.1	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MSR	43,000	1.42%	10.82%	47,091	0.045	2,209	3.3	19.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
FOX	64,000	-0.78%	-3.03%	47,479	-0.025	4,936	3.7	13.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
RTB	27,600	15.00%	15.97%	2,427	0.025	5,140	1.1	5.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DNN	15,600	39.29%	39.29%	904	0.024	4,704	1.0	3.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VUA	12,600	-13.10%	-27.17%	2,660	-0.024	616	1.3	21.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
DNW	30,400	-7.88%	-2.88%	3,708	-0.020	2,775	1.5	11.1	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

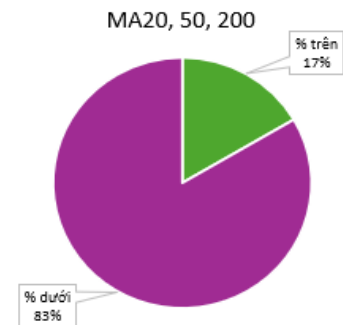
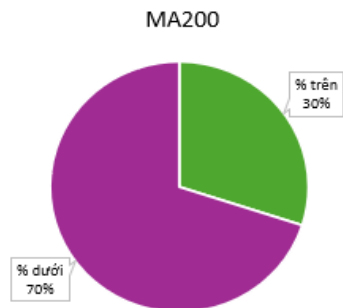
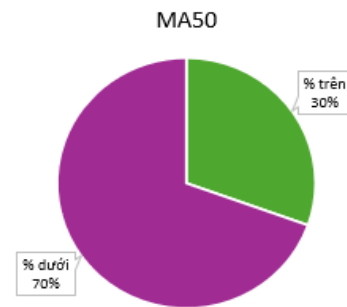
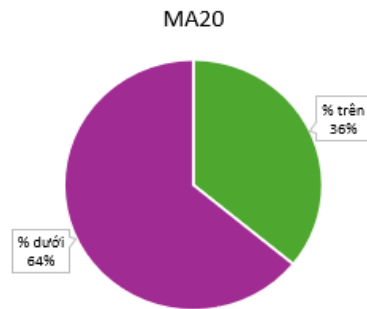
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DHC	36,800	4.5%	20.3	12.2	26,312	35,400	1.6	7.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
V68	17,900	0.0%	14.5	14.5	4,900	7,200	0.0	0.0	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HUT	12,900	-2.3%	14.4	30.0	13,100	20,500	1.3	27.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPA	27,700	-1.8%	8.3	2.0	28,200	41,834	1.8	5.7	Tiêu cực			
PAN	19,250	-2.0%	8.8	8.3	19,650	26,771	0.9	4.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTB	31,700	-1.6%	5.1	2.0	31,850	45,868	0.9	5.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTL	12,450	-6.7%	49.7	5.3	13,350	20,876	0.9	52.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
NTL	12,450	-6.7%	49.7	5.3	13,350	20,876	0.9	52.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNZ	560,000	-8.2%	8.7	3.1	309,000	669,900	18.6	36.3	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CRC	5,370	-2.2%	8.4	3.1	5,200	11,900	0.5	8.6	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
TRC	82,300	-0.4%	45.4	6.8	63,240	83,300	1.1	8.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			19/08/2026	18/08/2026	17/08/2026	14/08/2026	13/08/2026	12/08/2026	11/08/2026	10/08/2026
VNINDEX	MA200	Trên	25%	25%	25%	25%	25%	26%	25%	25%
		Dưới	75%	75%	75%	75%	75%	74%	75%	75%
	MA50	Trên	28%	30%	31%	31%	34%	35%	34%	36%
		Dưới	72%	70%	69%	69%	66%	65%	66%	64%
	MA20	Trên	41%	46%	52%	50%	57%	64%	62%	58%
		Dưới	59%	54%	48%	50%	43%	36%	38%	42%
VN30	MA200	Trên	37%	37%	33%	33%	37%	37%	33%	33%
		Dưới	63%	63%	67%	67%	63%	63%	67%	67%
	MA50	Trên	30%	30%	33%	37%	43%	53%	50%	50%
		Dưới	70%	70%	67%	63%	57%	47%	50%	50%
	MA20	Trên	47%	59%	60%	57%	77%	97%	90%	83%
		Dưới	53%	41%	40%	43%	23%	3%	10%	17%
HNX	MA200	Trên	28%	29%	29%	29%	29%	29%	29%	27%
		Dưới	72%	71%	71%	71%	71%	71%	71%	73%
	MA50	Trên	31%	31%	30%	30%	31%	28%	31%	30%
		Dưới	69%	69%	70%	70%	69%	72%	69%	70%
	MA20	Trên	28%	29%	29%	29%	29%	29%	29%	27%
		Dưới	72%	71%	71%	71%	71%	71%	71%	73%
UPCOM	MA200	Trên	33%	34%	35%	34%	34%	36%	34%	33%
		Dưới	67%	66%	65%	66%	66%	64%	66%	67%
	MA50	Trên	32%	32%	33%	34%	34%	35%	33%	33%
		Dưới	68%	68%	67%	66%	66%	65%	67%	67%
	MA20	Trên	33%	33%	34%	33%	33%	33%	34%	34%
		Dưới	67%	67%	66%	67%	67%	67%	66%	66%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 16	Tháng 8														Tháng 7					
	19+	18	17	14	13	12	11	10	07	06	05	04	03	31	30	29	28	27	24	23
1 Bán lẻ	72	72	74	71	73	71	71	68	59	60	61	56	50	42	35	29	24	24	28	27
2 Tái nguyên Cơ bản	66	65	61	62	61	64	65	66	64	64	62	61	58	54	51	48	45	45	41	41
3 Hàng & Dịch vụ Côn...	57	58	52	49	51	53	52	48	39	36	36	35	32	29	29	24	22	23	24	25
4 Điện, nước & xăng d...	56	55	53	52	57	59	62	61	52	50	50	52	49	37	36	36	36	36	37	37
5 Ô tô và phụ tùng	52	51	55	55	56	56	57	61	58	60	60	57	57	56	54	54	52	51	51	50
6 Truyền thông	51	54	54	37	61	64	64	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7 Thực phẩm và đồ uố...	49	49	48	48	48	47	46	46	43	42	45	47	44	42	41	36	33	31	31	34
8 Xây dựng và Vật liệu	45	47	44	42	42	41	39	39	36	37	39	39	33	31	28	27	28	27	27	26
9 Hóa chất	43	44	41	41	44	46	47	47	41	34	36	36	31	30	28	24	24	24	23	23
10 Ngân hàng	42	44	42	44	49	52	52	51	44	44	47	46	40	35	33	32	32	33	34	36
11 Hàng cá nhân & Gia ...	42	41	42	39	34	33	35	31	24	25	26	28	27	23	21	17	16	16	17	16
12 Dầu khí	39	36	29	30	38	44	40	42	39	31	31	33	30	31	30	29	28	31	25	23
13 Du lịch và Giải trí	35	36	35	35	37	39	39	39	37	41	38	37	30	26	24	22	22	23	25	26
14 Bất động sản	30	33	29	28	30	33	32	32	31	33	34	32	29	27	26	22	20	21	21	20
15 Dịch vụ tài chính	30	32	31	31	35	37	38	36	31	33	37	35	31	34	30	28	25	30	35	35
16 Công nghệ Thông tin	26	30	28	27	30	44	46	46	40	44	46	42	30	23	20	18	17	16	17	17

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
GAS	83,700	0.2%	4.6%	201,964	2.9	15.9	5,269	162.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
STB	74,800	-0.5%	0.9%	141,014	2.3	45.8	1,634	372.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
BSR	26,700	-1.8%	0.8%	133,695	1.8	6.8	3,933	196.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VNM	63,100	1.6%	2.1%	131,876	4.1	12.0	5,246	292.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SAB	45,900	-0.9%	-0.9%	58,870	3.0	12.3	3,723	20.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	43,000	1.4%	10.8%	47,091	3.3	19.3	2,209	86.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SBT	23,800	0.4%	10.2%	21,573	1.9	26.0	915	24.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHP	44,200	-1.8%	4.2%	14,544	2.2	11.9	3,743	7.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BAF	32,000	0.8%	1.7%	11,674	2.7	123.4	259	44.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVT	20,400	0.0%	1.5%	10,545	1.1	7.5	2,711	67.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DGW	42,700	2.9%	4.1%	9,444	2.5	11.3	3,785	92.5	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
DHC	36,800	4.5%	5.4%	3,910	1.6	7.1	5,172	20.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TRC	82,300	-0.4%	-1.2%	2,469	1.1	8.6	9,625	45.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTF	20,900	0.0%	0.7%	1,999	2.0	138.4	151	7.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVP	18,100	-0.3%	0.0%	1,877	0.9	5.8	3,120	6.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MZG	12,250	3.4%	-3.9%	1,570	1.0	9.0	1,364	5.9	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
HHP	15,000	0.0%	4.1%	1,383	1.4	27.8	540	12.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
DMX	83,600	0.7%	-2.7%	105,982	6.0	16.1	5,210	48.1	Tích cực	7.5			
VEA	35,000	-0.3%	-0.6%	46,582	2.0	6.0	5,816	6.8	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
GMD	78,600	-1.1%	1.8%	34,025	2.5	13.0	6,056	169.6	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
F88	64,500	-1.1%	-4.2%	15,051	5.0	14.9	4,365	9.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	12,900	-2.3%	-5.1%	13,781	1.3	27.1	476	14.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PAN	19,250	-2.0%	-7.0%	4,825	0.9	4.0	4,873	8.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NTL	12,450	-6.7%	-8.5%	1,519	0.9	52.5	237	49.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	57,400	-1.0%	-3.9%	479,616	1.9	11.5	4,984	216.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	21,200	1.0%	-4.1%	178,991	1.3	7.7	2,750	322.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPL	74,900	-0.1%	-4.5%	134,318	3.0	45.1	1,662	40.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	77,400	-2.0%	-4.3%	69,644	3.3	4.6	17,023	7.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
POW	13,350	0.0%	-2.9%	40,956	1.0	6.4	2,098	38.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
EIB	16,950	-0.3%	-6.9%	31,573	1.2	64.2	264	44.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
REE	45,750	0.9%	-3.0%	28,498	1.3	10.8	4,239	11.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KBC	26,950	-0.4%	-3.8%	25,380	1.0	22.0	1,227	28.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NAB	11,600	0.0%	-2.5%	25,042	1.0	5.1	2,264	13.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VND	15,750	-1.6%	-6.3%	23,976	1.1	8.9	1,773	115.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPM	21,600	-0.5%	-3.1%	14,686	1.3	8.3	2,608	27.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PC1	20,350	-0.2%	-1.9%	8,370	1.3	7.1	2,861	16.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BVB	11,850	-1.3%	-4.8%	7,594	1.0	9.7	1,216	10.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NKG	10,550	-0.5%	-5.8%	5,194	0.7	31.2	338	11.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VC3	24,700	0.4%	-4.3%	3,419	2.2	47.7	518	41.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTB	31,700	-1.6%	-5.8%	3,183	0.9	5.4	5,856	5.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	8,560	-0.35%	1.78%	25,500	197.9%	(337)	0.8	-25.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
KDH	17,400	-1.69%	-4.13%	42,600	144.8%	1,565	1.1	11.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
NLG	23,150	-1.49%	2.21%	45,800	97.8%	1,407	0.9	16.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MWG	72,200	-0.82%	-2.43%	140,000	93.9%	6,665	3.0	10.8	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
HDC	11,650	0.00%	-2.51%	21,400	83.7%	2,909	0.9	4.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
HDG	15,800	-1.56%	-4.53%	28,700	81.6%	1,803	1.0	8.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	13,400	-0.37%	-1.11%	23,100	72.4%	1,983	0.7	6.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	30,500	-0.65%	-2.71%	51,000	67.2%	4,945	1.4	6.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	21,200	0.95%	-4.07%	35,400	67.0%	2,750	1.3	7.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	24,600	-1.20%	-5.93%	40,500	64.6%	1,048	1.6	23.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PTB	31,700	-1.55%	-5.79%	52,000	64.0%	5,856	0.9	5.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	40,800	1.24%	0.00%	66,800	63.7%	3,173	2.2	12.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	36,000	0.84%	1.12%	58,800	63.3%	4,107	1.2	8.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	30,000	-0.83%	-2.12%	48,900	63.0%	3,441	1.2	8.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
CTG	31,000	-1.74%	-3.73%	50,000	61.3%	5,172	1.2	6.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	32,400	-1.52%	-5.54%	51,200	58.0%	5,201	2.0	6.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	20,200	-1.94%	-2.88%	31,900	57.9%	1,738	1.1	11.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBB	19,950	0.00%	-2.44%	31,300	56.9%	3,240	1.4	6.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DXG	10,950	-0.90%	-1.79%	17,000	55.3%	157	1.0	69.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VPB	24,850	-0.20%	-3.31%	38,000	52.9%	3,758	1.1	6.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

Managing Director

Brokerage

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn